

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2697/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 21 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích 4,03 ha tại sông Kôn, xã Tây Bình và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Nâng công suất từ 10.000 m³/năm lên 42.500 m³/năm) của Công ty TNHH Gạch không nung Phương Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1522/STNMT-CCBVMТ ngày 18/05/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Bình và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Gạch không nung Phương Thảo;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Bình và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Nâng công suất từ 10.000 m³/năm lên 42.500 m³/năm) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 10/CV-PT ngày 11/7/2023 của Công ty TNHH Gạch không nung Phương Thảo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 871/TTr-STNMT ngày 20/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (Nâng công suất từ 10.000 m³/năm lên 42.500 m³/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Gạch không nung Phương Thảo (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông

Kôn, xã Tây Bình và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Chủ dự án;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Bình;
- UBND xã Bình Nghi;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THƯỜNG THƯỜNG, DIỆN TÍCH 4,03 HA TẠI SÔNG KÔN,
XÃ TÂY BÌNH VÀ XÃ BÌNH NGHI, HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH
ĐỊNH (NÂNG CÔNG SUẤT TỪ 10.000 M³/NĂM LÊN 42.500 M³/NĂM)
CỦA CÔNG TY TNHH GẠCH KHÔNG NUNG PHƯƠNG THẢO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Kôn, xã Tây Bình và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Nâng công suất từ 10.000 m³/năm lên 42.500 m³/năm).

- Địa điểm thực hiện: tại sông Kôn, xã Tây Bình và xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Gạch không nung Phương Thảo.

- Địa chỉ liên hệ: 27 Đặng Văn Chân, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Điện thoại: 0914.285.153 (Ông Đặng Hồng Thái, Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 4,03 ha.

- Thời gian khai thác: 02 năm, đến ngày 31/10/2024 (ngày hoàn thành công trình đường ven biển Cát Tiên - Diêm Vân).

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).

- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép khai thác còn lại tại thời điểm lập hồ sơ nâng công suất được tính bằng trữ lượng cát còn lại sau khi khấu trừ khối lượng đã khai thác (theo Tờ khai thuế tài nguyên tính đến tháng 6/2023) theo Giấy phép số 153/GP-UBND ngày 28/11/2022 là 78.100 m³ cát địa chất làm vật liệu xây dựng thông thường. Theo đó, trữ lượng huy động vào khai thác sau khi để lại bờ mỏ để đảm bảo an toàn là 74.459 m³ cát địa chất (tương ứng 83.766 m³ cát nguyên khai với hệ số nở rời là 1,125). Công suất, thời gian khai thác như sau:

+ Năm thứ nhất: 31.959 m³ cát địa chất.

+ Năm thứ 2: 42.500 m³ cát địa chất.

1.3. Phương pháp khai thác: Mở vỉa khai thác từ phía Đông Bắc Dự án (tại điểm góc số 2), khai thác theo lớp bằng với chiều sâu khai thác trung bình 2,0

m, cao trình kết thúc khai thác không thấp hơn + 11,5 m. Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dài, từ dòng chảy vào bờ. Sử dụng 02 máy đào (dung tích gầu 1,25 m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 12 tấn đến nơi thi công công trình đường ven biển Cát Tiến - Diêm Vân.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ (nằm ngoài ranh giới mỏ): bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, camera.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực mỏ) diện tích khoảng 500 m² để thực hiện lưu chứa cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ:

- + Tuyến đường ngang qua sông nối từ tuyến đường đất đến ranh giới mỏ có kích thước: dài 210 m x rộng 5 m (Công ty đã bố trí 14 làn cống BTCT D1.000, chiều dài 2,5 m, mỗi làn bố trí 2 cống tròn) để đảm bảo thoát nước và vận chuyển cát. Sau khi kết thúc khai thác, Công ty phải tiến hành tháo dỡ để đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- + Tuyến đường đất Công ty tự mở nối từ đường ĐT 636B đến bờ sông có kích thước: dài 160 m x rộng 4 m để vận chuyển cát, sau khi kết thúc khai thác phải thu dọn toàn bộ các phế phẩm trên đường, hoàn trả mặt bằng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ, tuyến đường bắt ngang qua nhánh sông đến ranh giới mỏ và bãi tập kết cát có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,64 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác, lưu chứa tạm và vận chuyển cát.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn

thừa,...) phát sinh khoảng 4,5 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu mỏ:

+ Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 01 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.4. Các tác động khác: không.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. Khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát (đoạn đường đất hiện trạng): thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi tập kết cát: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa tại khu vực lán trại, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I Khu vực mỏ					
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	04	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án
2.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	3.723	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Sau khi kết thúc khai thác
3.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha	4,03	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác
II Khu vực ngoài mỏ					
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyên (đoạn có rơi vãi cát qua khu dân cư)	m ³	100	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động	m ²	15	Trả lại hiện trạng ban đầu	Định kì khi có cát vương vãi và sau khi kết thúc khai thác mỏ.
3.	Tháo dỡ đường giao thông có cống ngầm vào năm khai thác cuối	m ³	995	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
4	Tháo dỡ ống cống bê tông	Cấu kiện	28	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Sau khi kết thúc khai thác
5	Tháo dỡ tuyến đường đất hiện trạng từ đường ĐT 636B đến bờ sông	m ³	640	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau khi kết thúc khai thác

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **197.222.000 đồng**

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Theo Giấy xác nhận số 67/GXN-QBVMT ngày 16/3/2023 của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định thì số tiền Công ty đã nộp ký quỹ cho dự án đến năm 2023 là 127.583.908 đồng.

- Số tiền ký quỹ Công ty phải nộp (sau khi khấu trừ số tiền đã nộp), cụ thể như sau: $197.222.000 - 127.583.908 = 69.638.092$ đồng. Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

- Số lần ký quỹ: 01 lần với số tiền **69.638.092** đồng vào năm 2024.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác Công ty phải thực hiện tháo dỡ đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con, Công ty phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.